

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2021/HSPT

Ngày 20/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình, bà Lưu Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên;

Ngày 20/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 90/2021/HSPT ngày 18/3/2021, do Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2021/HS-ST ngày 18/01/2021, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Thị K**, sinh năm 1973 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: 193/27 NVC, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị T (bố không xác định); có chồng là Trần N và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019, đến ngày 30/8/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh – có mặt.

2. Họ và tên: **Trần N**, sinh năm 1975 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: 193/27 NVC, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Hoàng Thị K và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019, đến ngày 15/8/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh – có mặt.

3. Họ và tên: **Trần Thị N1**, sinh năm 1993 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: 193/31 NVC, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Trần N và bà Hoàng Thị K; có chồng là Đoàn Đức C và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

4. Họ và tên: **Trần Thị T**, sinh năm 1976 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: 193/33 NVC, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần K (đã chết) và bà Nguyễn Thị P; có chồng là Võ Minh N (đã chết) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019, đến ngày 01/8/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

5. Họ và tên: **Trần Thị H**, sinh năm 1977 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: 20 TNH, phường TA, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk, nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Kim Thị T; có chồng là Nguyễn Văn Đ và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/7/2019, đến ngày 01/8/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

6. Họ và tên: **Trương Thị Lệ T1**, sinh năm 1968 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: 311A NVC, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T (đã chết) và bà Dương Thị T; có chồng là Phạm Văn M và 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2019, đến ngày 15/8/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh – có mặt.

7. Họ và tên: **Trương Thị Thanh V**, sinh năm 1976 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: 313 NVC, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T (đã chết) và bà Dương Thị T; có chồng là Trần Bảo L và 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2019, đến ngày 15/8/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh – có mặt.

8. Họ và Tên: **Trương Thị Thanh X**, sinh năm 1963 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: 309 NVC, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ, tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T (đã chết) và bà Dương Thị T; có chồng là Me Văn X và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/7/2019, đến ngày 15/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

9. Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích P**, sinh năm 1979 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: 245/4/17 HT, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim L; có chồng là Lê Xuân H và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/7/2019, đến ngày 15/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

10. Họ và tên: **Vũ Khắc N2**, sinh năm 1970 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: 18 NL, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Trần Văn B và 03 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/7/2019, đến ngày 15/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

11. Họ và tên: **Phạm Thị L**, sinh năm 1983 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Tổ dân phố 7, phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B (đã chết) và bà Lê Thị B; có chồng là Lâm Thế P và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/7/2019, đến ngày 15/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang bị Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tạm giữ về hành vi đánh bạc – có mặt.

12. Họ và tên: **Trần Thị Thủy A**, sinh năm 1995 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn 2, xã HT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần C (đã chết) và bà Trần Thị Q; có chồng là Cao Huy T và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/7/2019, đến ngày 15/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn 03 bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2018, Hoàng Thị K, Trần N, Trần Thị N1, Trương Thị Thanh X, Trương Thị Lệ T1, Trương Thị Thanh V, Phạm Thị L, Trần Thị Thủy A, Trần Thị Thu S, Nguyễn Thị Ánh M, Vũ Khắc N2, Trần Thị T, Trần Thị H, Nguyễn Thị Bích

P, Văn Thị Phương Tr, tổ chức đánh bạc, đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền bằng hình thức ghi số đề.

Hình thức đánh số đề và cách xác định thắng thua cụ thể là: Người ghi số đề và người mua số đề quy ước trước với nhau về việc lấy các con số cuối (Mua hai con số hàng chục, hàng đơn vị hoặc ba con số hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị) của kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh thành trong nước để đối chiếu xác định thắng, thua. Đối với xổ số kiến thiết miền Bắc, mỗi ngày có một tỉnh thành mở kết quả xổ số. Còn đối với xổ số kiến thiết miền Trung, miền Nam, các bị cáo quy ước lấy kết quả xổ số kiến thiết của một tỉnh thành từ thứ 2 đến chủ nhật hàng tuần để đối chiếu xác định thắng thua lần lượt như sau: Tỉnh Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Bình Định, tỉnh Gia Lai, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Kon Tum. Kết quả xổ số gồm 09 giải từ giải Tám đến giải Đặc biệt với 18 lô số ở tất cả các giải, người chơi được mua số có tối thiểu là 02 chữ số, tối đa là 03 chữ số trên các lô xổ số kiến thiết. Nếu mua số có 02 chữ số thì có thể mua lô đầu (Giải Tám), lô chót (Giải Đặc biệt) gọi là hình thức mua đầu chót, mỗi điểm đặt cược quy ước là 1.000 đồng (nhà cái sẽ giảm tiền đặt cược cho các con bạc tùy thuộc vào số điểm đặt cược) hoặc tất cả các lô (18 lô số đối với xổ số kiến thiết miền Trung, Nam, gọi chung là đài Nam, mỗi điểm đặt cược quy ước từ 12.780 đồng đến 13.500 đồng và 27 lô số đối với xổ số kiến thiết miền Bắc, gọi chung là đài Bắc, mỗi điểm đặt cược quy ước từ 20.520 đồng đến 22.000 đồng) gọi là bao lô 2 số, kết quả xổ số kiến thiết có số cuối trùng với số con bạc mua thì thắng cược với tỉ lệ là 01/70 lần đối với đài Nam, 01/74 lần đối với đài miền Bắc. Nếu mua số có 03 chữ số thì có thể mua lô chót (Giải Đặc biệt), lô kê (Giải Bảy) gọi là hình thức mua kê đặc biệt, mỗi điểm đặt cược quy ước là 1.000 đồng hoặc tất cả 17 lô đài Nam, mỗi điểm đặt cược quy ước từ 10.710 đồng đến 13.000 đồng; 23 Lô đài Bắc, mỗi điểm đặt cược quy ước từ 17.480 đồng đến 20.000 đồng (Trừ giải Tám) gọi là bao lô 3 số, kết quả xổ số kiến thiết có số cuối trùng với số con bạc mua thì thắng cược với tỉ lệ thắng là 01/500 lần đối với đài Nam, 01/600 lần đối với đài Bắc. Nếu người chơi mua đồng thời 02 lô có hai chữ số của tất cả các lô gọi là mua đá, trong đó người chơi phải trả tiền gấp 02 lần so với mua bao lô số có 02 số, khi cả 02 lô đã mua đồng thời xuất hiện trong kết quả xổ số thì người chơi sẽ thắng với tỉ lệ là 1/500 lần đối với đài Nam và 01/600 lần đối với đài Bắc. Nếu kết quả xổ số kiến thiết không có số đã mua thì người chơi bị thua số tiền đã cá cược. Quá trình điều tra xác định:

Nhóm 1: Hoàng Thị K (sử dụng số thuê bao 0971215959 và 0942645455) thỏa thuận với Q (Chưa xác định nhân thân, lai lịch, sử dụng số thuê bao 0374999560) và Z (chưa xác định lai lịch, sử dụng số thuê bao 0966613502) tổ chức đánh bạc hình thức ghi lô đề. Hằng ngày, trước khi có kết quả xổ số kiến thiết của các tỉnh miền Trung, Tây nguyên và các tỉnh miền Bắc, K và Trần N (chồng của K) nhận ghi các lô đề từ những người đánh đề trực tiếp hoặc chủ cái ghi số đề gồm Phạm Thị L (sử dụng số thuê bao 0944635975), Trần Thị Thu S (sử dụng số thuê bao 0946533378), Vũ Khắc N2 (sử dụng số thuê bao 0941373288), Trần Thị Thủy A (sử dụng số thuê bao 0905840647), Trương Thị Thanh X (sử dụng số thuê bao 0914049931), Trương Thị Lệ T1 (sử dụng số thuê bao 0944149596), Trương Thị Thanh V và một số đối tượng khác (Chưa xác định nhân thân, lai lịch) dưới hình thức nhắn tin qua điện thoại di

động. Ngày 05/7/2019, Nguyễn Thị Ánh M giúp sức cho Trương Thị Thanh X ghi số đề đánh bạc với các con bạc và tổng hợp phôi đề chuyển cho K nhằm hưởng lợi bất chính cùng với X. Sau khi K nhận các phôi đề của các con bạc thì nhắn tin cho Trần Thị N1, để N1 giúp K tính số điểm của các con bạc ghi số đề, rồi chuyển lại để K tính tiền, sau đó chuyển cho Q và Z nhằm mục đích hưởng hoa hồng, thu lợi bất chính. Sau khi có kết quả, N giúp sức thu, chi tiền thắng thua với các con bạc và chủ cái ghi số đề. K nhận từ các chủ lô đề và các con bạc với hình thức bao lô 2 số, 3 số đài Nam là 71% và đài Bắc là 76% rồi chuyển cho Q, Z lần lượt là 70,5% và 75,5% tổng tiền đánh bạc, K được hưởng lợi 0,055%. Riêng đối với X, T1, V, thì K nhận đài Nam với hình thức bao lô 2 số, 3 số lần lượt là 71%, 63% rồi chuyển cho Q, Z 70,5% tổng tiền đánh bạc; đài Bắc với hình thức bao lô 2 số, 3 số lần lượt là 81,5%, 87% rồi chuyển cho Q, Z 75,5% tổng tiền đánh bạc.

Nhóm 2: Trần Thị T (sử dụng số thuê bao 0945964909 và 0794590580) tổ chức nhận ghi số đề của các chủ cái số đề và chuyển cho đối tượng Q (Chưa xác định nhân thân, lai lịch) để hưởng hoa hồng, thu lợi bất chính. Hằng ngày, trước khi có kết quả xổ số kiến thiết của các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và các tỉnh miền Bắc, Trần Thị T nhận ghi số đề từ các chủ cái là Trần Thị H (sử dụng số thuê bao 0943992547), Văn Thị Phương Tr (sử dụng số thuê bao 0354940377) và một số đối tượng khác chưa xác định nhân thân, lai lịch. Riêng ngày 05/7/2019, Trần Thị T còn chuyển phôi đề xổ số kiến thiết miền Bắc cho Hoàng Thị K.

Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh thành trong cả nước, các con bạc xác định thắng thua và trực tiếp gặp nhau để giao nhận tiền vào thời điểm trước khi có kết quả xổ số kiến thiết ngày kế tiếp. Riêng Q giao cho đối tượng N3, T2 (chưa xác định nhân thân, lai lịch) gặp, nhận tiền đánh bạc với K và T. Ngày 05/7/2019, khi đài xổ số kiến thiết tỉnh Gia Lai (gọi chung là đài miền Nam) đã mở thưởng thì các con bạc đang nhận và chuyển số đề từ nhiều người chơi khác nhau dựa trên kết quả xổ số kiến thiết đài miền Bắc, thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đồng loạt khám xét khẩn cấp nơi ở của các chủ cái ghi đề là Hoàng Thị K, Trương Thị Thanh X, Phạm Thị L, Trần Thị Thủy A, Trần Thị Thu S, Trần Thị T, Trần Thị H và người chơi đề Vũ Khắc N2, tại nơi các đối tượng cư trú và bắt quả tang Trương Thị Lệ T1, Trương Thị Thanh V đánh bạc dưới hình thức ghi số đề.

Quá trình điều tra xác định:

1. Đối với các bị cáo Hoàng Thị K, Trần N và Trần Thị N1:

Đầu năm 2018 Hoàng Thị K liên lạc với Q và Z (đều chưa rõ nhân thân lai lịch), mục đích xin Q, Z nhận phôi ghi đề hàng ngày thì Q, Z đồng ý. Đến tháng 12/2018, lúc này do có nhiều con bạc ghi số đề nên K bàn bạc với Trần N (là chồng K) hàng ngày N đi bán vé số tại khu vực đường NVC, phường TL, nhận ghi phôi đề của các con bạc rồi dùng điện thoại di động nhắn các phôi đề chuyển cho K và đi chung tiền thắng thua cho các con bạc sau khi có kết quả xổ số. Đến tháng 6/2019, Trần Thị N1 (là con gái K) đang nuôi con nhỏ nên K bàn bạc với N1 hàng ngày K nhắn các phôi ghi đề của các con bạc qua điện thoại để N1 tính toán rồi tổng hợp số điểm trên các phôi đề của các con bạc rồi nhắn lại cho K. Sau đó K nhắn tin chuyển phôi đề đến

cho Q, Z. Sau khi có kết quả thắng thua thì khoảng 3 đến 4 ngày thì K cho N1 số tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, từ việc ghi lô đề để tiêu xài cá nhân thì N1 đồng ý. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 7/2019, tại địa chỉ: 193/27 NVC, phường TL, thành phố BMT, Hoàng Thị K, Trần N và N1 đã cùng tổ chức đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền bằng hình thức nhận nhiều phôi đề của các con bạc, cụ tổng số tiền tổ chức đánh bạc bị cáo Hoàng Thị K nhận của các bị cáo trong vụ án và các con bạc chưa xác định nhân thân lai lịch là:

- Ngày 26/5/2019: Đài miền Nam là 16.087.000 đồng;
- Ngày 27/6/2019: Đài miền Nam là 7.628.000 đồng; đài Bắc là 11.054.000 đồng;
- Ngày 30/6/2019: Đài miền Nam là 24.128.600 đồng; đài Bắc là 5.957.000 đồng;
- Ngày 01/7/2019: Đài miền Nam là 43.112.770 đồng; đài Bắc là 15.936.000 đồng;
- Ngày 02/7/2019: Đài miền Nam là 28.429.600 đồng; đài Bắc là 14.227.000 đồng;
- Ngày 03/7/2019: Đài miền Nam là 25.015.000 đồng; đài Bắc là 6.715.960 đồng.
- Ngày 04/7/2019: Đài miền Nam là 40.113.000 đồng; đài Bắc là 40.367.280 đồng;
- Ngày 05/7/2019: Đài miền Nam là 44.475.000 đồng; đài Bắc là 22.147.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo nhận ghi đề qua các ngày là 345.403.210 đồng.

Các bị cáo Hoàng Thị K, Trần N và Trần Thị N1 cùng hưởng lợi số tiền 809.376 đồng.

2. Đối với bị cáo Trần Thị Thủy A:

Tháng 6/2019 Trần Thị Thủy A và bị cáo Hoàng Thị K bàn bạc thỏa thuận Thủy A ghi lô đề của các con bạc rồi dùng điện thoại nhắn tin các phôi đề của con bạc cho K để hưởng lợi tiền hoa hồng. Từ ngày 30/6/2019 đến 05/7/2019, bị cáo Thủy A đã nhiều lần ghi lô đề thắng thua bằng tiền cho các con bạc (chưa rõ nhân thân lai lịch), cụ thể:

- Ngày 30/6/2019: đài miền Nam là 4.727.600 đồng, gồm 2.977.600 đồng tiền đặt cược, 1.750.000 đồng tiền thắng cược. Trong đó, bị cáo Thủy A nhận hưởng lợi được 335.600 đồng; đài Bắc là 2.293.000 đồng, bị cáo Thủy A không trúng cược. Trong đó, bị cáo hưởng lợi được 83.000 đồng.
- Ngày 01/7/2019: đài miền Nam là 5.138.000 đồng, gồm 2.338.000 đồng tiền đặt cược, 2.800.000 đồng tiền thắng cược. Bị cáo Thủy A hưởng lợi được 400.000

đồng; đài Bắc là 5.534.000 đồng, gồm 2.648.000 đồng tiền đặt cược, 2.850.000 đồng tiền thắng cược. Bị cáo Thủy A hưởng lợi được 468.000 đồng.

- Ngày 03/7/2019: đài miền Nam là 1.700.000 đồng, bị cáo Thủy A không trúng cược và không đặt cược đài Bắc. Bị cáo Thủy A hưởng lợi được 131.000 đồng.

- Ngày 04/7/2019: đài miền Nam là 2.378.000 đồng, bị cáo Thủy A không trúng cược, bị cáo Thủy A hưởng lợi được 181.000 đồng; đài Bắc là 11.777.000 đồng, gồm 2.222.000 đồng tiền đặt cược, 9.600.000 đồng tiền thắng cược. Bị cáo Thủy A hưởng lợi được 150.000 đồng.

- Ngày 05/7/2019: đài miền Nam là 3.188.000 đồng, bị cáo Thủy A không trúng cược, bị cáo Thủy A hưởng lợi được 346.580 đồng; đài Bắc là 220.000 đồng, bị cáo Thủy A không trúng cược.

Tổng số tiền bị cáo A nhận ghi đề qua các ngày là 36.955.600 đồng.

3. Đối với bị cáo Vũ Khắc N2:

Từ ngày 30/6/2019 đến ngày 05/7/2019, Vũ Khắc N2 dùng điện thoại di động nhắn tin ghi lô đề thắng thua bằng tiền với Hoàng Thị K thì bị Cơ quan điều tra phát hiện, xử lý, tạm giữ: 02 cuốn vở ghi chép, 06 tờ giấy có nhiều chữ, số; 02 cuốn sổ hoá đơn bán lẻ và 02 cuốn vở ô ly có nhiều chữ, số; 18 tờ giấy kích thước khác nhau có nhiều chữ, số; số tiền 12.900.000 nghìn đồng; 01 điện thoại Iphone XS Max, màu vàng; qua điều tra xác định được hành vi ghi lô đề của bị cáo N2 cụ thể:

- Ngày 30/6/2019: đài miền Nam là 14.611.000 đồng; gồm 9.011.000 đồng tiền đặt cược, 5.600.000 đồng tiền thắng cược; đài Bắc là 184.000 đồng, bị cáo N2 không trúng cược.

- Ngày 01/7/2019: đài miền Nam là 8.100.000 đồng, gồm 4.600.000 đồng tiền đặt cược, 3.500.000 đồng tiền thắng cược; đài Bắc là 184.000 đồng, bị cáo Khắc N2 không trúng cược.

- Ngày 02/7/2019: đài miền Nam là 9.813.000 đồng, gồm 7.013.000 đồng tiền đặt cược, 2.800.000 đồng tiền thắng cược; đài Bắc là 351.000 đồng, bị cáo N2 không trúng cược.

- Ngày 03/7/2019: đài miền Nam là 5.010.000 đồng, gồm 3.610.000 đồng tiền đặt cược, 1.400.000 đồng tiền thắng cược; bị cáo N2 không đặt cược đài Bắc.

- Ngày 04/7/2019: đài miền Nam là 2.556.000 đồng, bị cáo N2 không trúng cược và không đặt cược đài Bắc.

- Ngày 05/7/2019: đài miền Nam là 3.046.000 đồng, bị cáo N2 không trúng cược.

Tổng số tiền bị cáo N2 đánh bạc qua các ngày là 43.855.000 đồng.

4. Đối với bị cáo Phạm Thị L:

Do cần tiền tiêu xài nên bị cáo Phạm Thị L nhận ghi lô đề thắng thua bằng tiền của các con bạc (chưa rõ nhân thân lai lịch), rồi dùng điện thoại di động nhắn tin cho

bị cáo Hoàng Thị K, để hưởng lợi bất chính. Ngày 05/7/2019 L đã nhắn nhiều phôi đề thắng thua bằng tiền cho K, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, phát hiện xử lý, tạm giữ: 05 tờ giấy kích thước khác nhau ghi số đề ngày 05/7/2019; 53 tờ giấy ghi số đề khác nhau; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màu vàng, số Imei 864212033614922, gắn sim số thuê bao 0944635975; số tiền 1.135.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số Imei 355816096651179, gắn sim số thuê bao 0396397724, để xử lý theo quy định của pháp luật; qua điều tra xác định được hành vi ghi lô đề của bị cáo L cụ thể như sau:

Ngày 04/7/2019: đài miền Nam là 13.125.500 đồng, gồm 12.075.500 đồng tiền đặt cược, 1.050.000 đồng tiền thắng cược, trong đó, bị cáo L hưởng lợi được 479.500 đồng; đài Bắc là 12.168.000 đồng, gồm 6.618.000 đồng tiền đặt cược, 5.550.000 đồng tiền thắng cược, trong đó, bị cáo L hưởng lợi được 209.000 đồng.

- Ngày 05/7/2019: Tổng số tiền bị cáo Phạm Thị L đánh bạc dưới hình thức ghi lô đề của đài miền Nam là 9.627.000 đồng, gồm 6.827.000 đồng tiền đặt cược, 2.800.000 đồng tiền thắng cược; đài Bắc là 1.716.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo L nhận ghi đề qua các ngày là 36.636.500 đồng.

5. Đối với bị cáo Trương Thị Thanh X:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Trương Thị Thanh X cùng bị cáo Nguyễn Thị Ánh M thỏa thuận ghi lô đề thắng thua bằng tiền cho các con bạc để cùng hưởng lợi bất chính. X, M tổng hợp phôi đề rồi dùng điện thoại di động nhắn tin cho Hoàng Thị K. Ngày 05/7/2019, tại địa chỉ: 309 NVC, phường TL, thành phố BMT, bị cáo X, M đã nhiều lần ghi lô đề cho Lê Minh H (sinh năm: 1968, trú tại: Buôn BL, phường TL, thành phố BMT) và các con bạc (chưa rõ nhân thân lai lịch), thì bị Cơ quan điều tra phát hiện xử lý, tạm giữ: 01 tờ phôi đề ghi trên tờ xỏ số kiến thiết Đà Nẵng ngày 19/6/2019; 03 tờ phôi đề kích thước lần lượt (8x2)cm, (15x10)cm, (20x10)cm; 01 cuốn sổ ghi chép bên ngoài ghi chữ điểm 10 Imagine; 01 vở ghi chép kích thước (10x15)cm; số tiền 9.960.000 đồng. Quá trình điều tra xác định được hành vi ghi lô đề của bị cáo X cụ thể:

- Ngày 27/6/2019: đài miền Nam là 8.035.000 đồng, gồm 5.795.000 đồng tiền đặt cược, 2.240.000 đồng tiền thắng cược, trong đó, bị cáo X hưởng lợi được 407.000 đồng; đài Bắc là 11.816.000 đồng, gồm 10.188.000 đồng tiền đặt cược, 1.628.000 đồng tiền thắng cược, bị cáo X hưởng lợi được 760.000 đồng.

- Ngày 30/6/2019: đài miền Nam là 4.930.000 đồng, gồm 4.440.000 đồng tiền đặt cược, 490.000 đồng tiền thắng cược, bị cáo X hưởng lợi được 60.000 đồng; đài Bắc là 3.598.000 đồng, gồm 1.748.000 đồng tiền đặt cược, 1.850.000 đồng tiền thắng cược, bị cáo X hưởng lợi được 118.000 đồng.

- Ngày 01/7/2019: đài miền Nam là 9.229.000 đồng, gồm 7.849.000 đồng tiền đặt cược, 1.610.000đ tiền thắng cược, bị cáo X hưởng lợi được 317.000 đồng; đài Bắc là 1.612.000 đồng, bị cáo X không thắng cược đài Bắc, bị cáo X hưởng lợi được 111.000 đồng.

- Ngày 02/7/2019: đài miền Nam là 10.457.000 đồng, gồm 6.607.000 đồng tiền đặt cược, 3.850.000 đồng tiền thắng cược, bị cáo X hưởng lợi được 403.000 đồng; đài Bắc là 4.568.000 đồng, gồm 3.236.000 đồng tiền đặt cược, 1.232.000 đồng tiền thắng cược, bị cáo X hưởng lợi được 232.000 đồng.

- Ngày 03/7/2019: đài miền Nam là 6.843.000 đồng, gồm 5.023.000 đồng tiền đặt cược, 1.820.000 đồng tiền thắng cược, bị cáo X hưởng lợi được 340.000 đồng; đài Bắc là 1.264.000 đồng, bị cáo X không thắng cược, bị cáo X hưởng lợi được 91.000 đồng.

- Ngày 04/7/2019: đài miền Nam là 8.833.000 đồng, gồm 6.243.000 đồng tiền đặt cược, 2.590.000 đồng tiền thắng cược, bị cáo hưởng lợi được 430.000 đồng; đài Bắc là 6.094.000 đồng, gồm 5.084.000 đồng tiền đặt cược, 1.010.000 đồng tiền thắng cược, bị cáo X hưởng lợi được 287.000 đồng.

- Ngày 05/7/2019: Bị cáo Trương Thị Thanh X và Nguyễn Thị Ánh M, cùng đánh bạc thắng thua bằng tiền với Lê Minh H và các con bạc (chưa rõ nhân thân lai lịch) dưới hình thức ghi lô đề của đài miền Nam là 9.821.000 đồng, gồm 5.411.000 đồng tiền đặt cược (Lê Minh H số tiền 70.000 đồng), 4.410.000 đồng tiền thắng cược; đài miền Bắc là 5.398.000 đồng (Lê Minh H số tiền là 110.000 đồng), bị cáo X không trúng cược.

Số tiền bị cáo Trương Thị Thanh X nhận ghi đề qua các ngày là 92.498.000 đồng. Xác định tổng số tiền bị cáo Trương Thị Thanh X hưởng lợi là 4.517.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 273/KLĐG, ngày 14/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố BMT, kết luận: 01 phòng khách có diện tích $(3 \times 4)m = 12m^2$. Có kết cấu móng xây đá hộc, tường xây gạch 10, trần tôn lạnh, nền lát gạch Ceramic 400×400 , mái lợp tôn đã qua sử dụng. Chất lượng còn lại 50%; trị giá: $(12m^2 \times (3.060.000 \text{ đồng}/m^2 + 219.000 \text{ đồng}/m^2 - 287.000 \text{ đồng}/m^2)) \times 50\% = 17.952.000 \text{ đồng}$.

Quá trình điều tra xác định: Địa điểm bị cáo Trương Thị Thanh X dùng là địa điểm phạm tội là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với anh Me Văn X (là chồng bị cáo X). Anh X không biết việc X dùng làm địa điểm phạm tội, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh X, là phù hợp. Do vậy, cần tịch thu số tiền 8.976.000 đồng (là trị giá $\frac{1}{2}$ căn phòng địa điểm X phạm tội), sung công quỹ Nhà nước.

6. Đối với các bị cáo Trương Thị Lệ T1, Trương Thị Thanh V:

Đầu năm 2018, do không có việc làm nên bị cáo Trương Thị Lệ T1, Trương Thị Thanh V, nảy sinh ý định đánh bạc dưới hình thức ghi lô đề thắng thua bằng tiền cho các con bạc mục đích để hưởng lợi bất chính. Sau khi ghi lô đề cho các con bạc, T1 và V cùng sử dụng điện thoại di động nhắn tin chuyển phôi đề cho Hoàng Thị K. Ngày 05/7/2019 khi T1, V đang ở nhà địa chỉ: 311A NVC, phường TL, thành phố BMT, tổng hợp các phôi đề để chuyển cho K, ghi phôi đề cho Trần Nhật T3, Trần Văn T4 và các con bạc (chưa rõ nhân thân lai lịch), thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt quả tang, tạm giữ: 39 tờ phôi đề kích thước khác nhau được đánh số thứ tự từ 01

đến 39; 01 cuốn sổ màu đen, kích thước (13,5x20)cm, bên ngoài ghi chữ Gracious_CK6; 01 cuốn sổ màu tím, kích thước (14x21)cm bên ngoài ghi chữ 5EXPERIENCES 1DESTIN; 02 cuốn sổ màu đen kích thước (10x15)cm, (16x25)cm; 01 sổ dò xổ số kiến thiết kích thước (12x17)cm, màu đỏ, bên ngoài ghi Công ty TNHH xổ số kiến thiết Bình Định; 01 kéo màu đen; 01 máy tính hiệu Casio J-120S, màu đen; 01 tập giấy trắng kích thước (4x10)cm; 01 giấy than kích thước (4x10)cm; 01 ghế nhựa màu đỏ, 01 bàn nhựa màu đỏ; 01 điện thoại di động Iphone 4, màu trắng Model A1387 EMC 2430 FCC ID:BCG-E2430A IC:579C-E2430A; 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu hồng; số tiền 7.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus, màu vàng; số tiền 14.000.000 đồng. Qua điều tra xác định được hành vi ghi lô đề của V, T1 cụ thể:

- Ngày 01/7/2019: đài miền Nam là 23.101.000 đồng, gồm 13.301.000 đồng tiền đặt cược, 9.800.000 đồng tiền thắng cược; trong đó, các bị cáo V, T1 hưởng lợi được 777.230 đồng; đài Bắc là 8.434.000 đồng, gồm 5.474.000đ tiền đặt cược, 2.960.000 đồng tiền thắng cược; trong đó, các bị cáo V, T1 hưởng lợi được 370.600 đồng.

- Ngày 02/7/2019: Đài miền Nam là 9.060.000 đồng, các bị cáo V, T1 không trúng cược; trong đó, các bị cáo V, T1 hưởng lợi được 498.000 đồng; đài Bắc là 9.664.000 đồng, gồm 8.184.000 đồng tiền đặt cược, 1.480.000 đồng tiền thắng cược; trong đó, các bị cáo V, T1 hưởng lợi được 24.000 đồng.

- Ngày 03/7/2019: đài miền Nam là 12.662.000 đồng, gồm 11.262.000 đồng tiền đặt cược, 1.400.000 đồng tiền thắng cược; trong đó, các bị cáo V, T1 hưởng lợi được 729.000 đồng; đài Bắc là 5.826.000 đồng, gồm 4.346.000 đồng tiền đặt cược, 1.480.000 đồng tiền thắng cược; trong đó, các bị cáo V, T1 hưởng lợi được 283.040 đồng.

- Ngày 04/7/2019: đài miền Nam là 8.315.000 đồng, gồm 5.515.000 đồng tiền đặt cược, 2.800.000 đồng tiền thắng cược; trong đó, các bị cáo V, T1 hưởng lợi được 396.000 đồng; đài Bắc là 6.738.000 đồng, gồm 5.258.000 đồng tiền đặt cược, 1.480.000 đồng tiền thắng cược; trong đó, các bị cáo V, T1 hưởng lợi được 353.720 đồng.

Ngày 05/7/2019: Các bị cáo Trương Thị Thanh V, Trương Thị Lệ T1 ghi lô đề đài miền Nam là 14.580.000 đồng, gồm: 12.480.000 đồng tiền đặt cược, 2.100.000 đồng tiền thắng cược; đài miền Bắc là 330.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo Trương Thị Lệ T1, Trương Thị Thanh V nhận ghi lô đề là 98.619.000 đồng

Đối với phòng khách của căn nhà địa chỉ: 311A NVC, phường TL, thành phố BMT, là địa điểm các bị cáo T1, V sử dụng để đánh bạc ghi lô đề. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 274/KLĐG, ngày 14/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố BMT, kết luận: 01 phòng khách có diện tích (4.2x4)m = 16,8m². Có kết cấu móng xây đá hộc, tường xây gạch 10, trần tôn lạnh, nền lát gạch Ceramic 400x400, mái lợp tôn, cửa chính loại cửa kéo (công nghệ Đài L) bằng kim loại diện tích (4x3)m = 12m², đã qua sử dụng. Chất lượng còn lại 50%; trị giá:

$(16,8m^2 \times (3.060.000 \text{ đồng}/m^2 + 219.000 \text{ đồng}/m^2 - 287.000 \text{ đồng}/m^2) - (12m^2 \times 290.000 \text{ đồng}/m^2) \times 50\% = 23.393.000 \text{ đồng}$. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản chung của bị cáo Trương Thị Lệ T1 và anh Phạm Văn M (là chồng bị cáo T1). Việc bị cáo T1 dùng làm địa điểm phạm tội anh M không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý đối với anh M. Do vậy, cần truy thu của bị cáo T1 số tiền 11.696.500 (là trị giá $\frac{1}{2}$ căn phòng), để sung công quỹ Nhà nước.

7. Đối với bị cáo Trần Thị T:

Vào ngày 05/7/2019, tại địa chỉ: 193/33 NVC, phường TL, thành phố BMT, Trần Thị T dùng điện thoại di động tổ chức nhận ghi số đề thắng thua bằng tiền của bị cáo Trần Thị H, của bị cáo Văn Thị Phương Tr và đối tượng L1 chưa rõ lai lịch rồi chuyển số đề cho đối tượng Q (chưa xác định rõ nhân thân lai lịch) và bị cáo Hoàng Thị K, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện xử lý, tạm giữ: 01 quyển tập học sinh bên trong có 03 mặt giấy có viết các con số liên quan đến hoạt động đánh số đề, 01 điện thoại nhãn hiệu samsung Galaxy J5 màu hồng bên trong có 02 số thuê bao điện thoại di động là 0945964909 và 0794590580, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F15 bên trong có số thuê bao số 0984177206 và 0946232675, 01 máy tính loại Casio và số tiền 23.900.000 đồng. Qua điều tra xác định được ngày 05/7/2019, bị cáo T có hành vi ghi lô đề với số tiền 411.655.700 đồng, cụ thể:

- Nhận số đề của bị cáo Trần Thị H: đài Nam là 338.995.600 đồng gồm 99.915.600 đồng tiền đặt cược và 239.080.000 đồng tiền thắng cược; đài Bắc 36.947.500 đồng, T không thắng cược.

- Nhận số đề của bị cáo Văn Thị Phương Tr: đài Nam là 32.484.800 đồng, gồm: 14.984.800 đồng tiền đặt cược và 17.500.000 đồng tiền thắng cược.

- Nhận số đề cho đối tượng L1 (bé): đài Nam là 1.567.800 đồng, gồm: 1.217.800 đồng tiền đặt cược và 350.000 đồng tiền thắng cược; đài Bắc 1.660.000 đồng, chưa xác định thắng thua.

Đối với địa điểm căn phòng địa chỉ 193/33 NVC, phường TL, thành phố BMT, Trần Thị T dùng làm địa điểm phạm tội. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 256/KLĐG ngày 20/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố BMT, kết luận: 01 góc phòng có diện tích $(0,8 \times 0,9)m = 0,72m^2$, có kết cấu móng xây đá hộc, tường xây gạch 10, trần la phong nhựa, nền lát gạch Ceramic 400x400, mái lợp tôn, tường sơn theo kiểu quét vôi màu xanh da trời, chất lượng còn lại 50%; trị giá: $(0,72m^2 \times (3.060.000 \text{ đồng}/m^2 + 219.000 \text{ đồng}/m^2 - 309.000 \text{ đồng}/m^2)) \times 50\% = 1.069.000 \text{ đồng}$. Quá trình điều tra xác định căn phòng của ngôi nhà địa chỉ 193/33 NVC, phường TL, thành phố BMT, là tài sản của bị cáo T, nên cần truy thu của bị cáo T số tiền 1.069.000 đồng (là trị giá căn phòng dùng làm địa điểm phạm tội), sung công quỹ Nhà nước.

8. Đối với bị cáo Trần Thị H:

Ngày 04/7/2019 và 05/7/2019, tại địa chỉ 38/2 LTT, phường AT, thành phố BMT, bị cáo Trần Thị H tổ chức ghi số đề cho bị cáo Nguyễn Thị Bích P và một số

con bạc chưa rõ nhân thân lai lịch, nhận phôi đề của Lê Viết V2 (sinh năm 1979, trú tại 183 PBC, phường TN, thành phố BMT). Sau đó, bị cáo H chuyển phôi đề cho bị cáo Trần Thị T và đối tượng B (chưa xác định nhân thân lai lịch) thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột bắt quả tang, tạm giữ: 02 sổ bìa màu xanh đậm, ngoài bìa có ghi chữ "Sweet"; 01 sổ bìa có ghi chữ "lovely"; 01 sổ màu đen, bên ngoài bìa có ghi chữ "Lyna"; 01 sổ có ghi chữ "Tender", bên ngoài bìa màu đen có ghi chữ CK5; 01 quyển sổ lò xo bìa màu vàng có ghi chữ Happoness; Số tiền 236.400.000 đồng, 01 xe Mô tô biển số 47P8-5800, 04 tờ giấy A4 đã bị cắt nhỏ, trong đó có 1 tờ bị cắt nham nhở, 02 cây bút bi mực xanh, mực đỏ, 01 tập giấy trắng A4 bị cắt đôi, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy màu trắng, bên trong có thuê bao điện thoại di động số 0943.992.547, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy màu đen, bên trong có thuê bao điện thoại di động số 0389.551.859, 02 điện thoại Nokia trắng, đen, 01 túi xách, bên trong có số tiền 12.391.000 đồng. Qua điều tra xác định bị cáo H có hành vi ghi lô đề cụ thể:

- Tổng số tiền bị cáo H nhận ghi lô đề ngày 04/7/2019: đài Nam là 1.204.000 đồng; đài Bắc 24.100.000 đồng.

- Tổng số tiền bị cáo H nhận ghi lô đề ngày 05/7/2019: đài Nam là 370.632.200 đồng; đài Bắc 45.071.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo H nhận ghi lô đề qua các ngày là 441.007.200 đồng.

9. Đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích P:

Ngày 05/7/2019, Nguyễn Thị Bích P sử dụng điện thoại di động nhắn tin cho bị cáo Trần Thị H để đánh bạc dưới hình thức ghi lô đề. Bị cáo P ghi lô đề của bị cáo H: đài Nam là 147.854.000 đồng, gồm: 35.154.000 đồng tiền đặt cược và 112.700.000 đồng tiền thắng cược; đài Bắc là 3.600.000 đồng, thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, phát hiện xử lý, tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, bên trong có thuê bao điện thoại di động số 0942914997, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, bên trong có số thuê 0913481591.

Đối với hành vi đánh bạc vào ngày 05/7/2019 của Châu Thị T5 (đã có tiền án về tội Đánh bạc đã được xóa án tích) với bị cáo Văn Thị Phương Tr; Trần Nhật T3 và Trần Văn T4 (chưa có tiền án tiền sự về hành vi Đánh bạc) với bị cáo Trương Thị Lê T1, Trương Thị Thanh V; Lê Minh H (chưa có tiền án tiền sự về hành vi Đánh bạc), với bị cáo Trương Thị Thanh X, Nguyễn Thị Ánh M, số tiền một lần đánh bạc chưa đủ định lượng để xử lý hình sự. Do vậy, Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử phạt hành chính đối với: Châu Thị T5, Trần Nhật T3, Trần Văn T4, Lê Minh H, về hành vi đánh bạc, quy định tại khoản 1 điều 26 Nghị định 167/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính Phủ, là phù hợp.

Đối với căn nhà, địa chỉ: 193/27 NVC, phường TL, thành phố BMT, là địa điểm các bị cáo K, N và N1 sử dụng đánh bạc nằm trên mảnh đất thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1950) Việc các bị cáo dùng làm địa điểm phạm tội tại đây, bà T không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không kê biên tài sản và không đề cập xử lý đối với bà T, là phù hợp.

Đối với địa chỉ 38/2 LTT, phường AT, thành phố BMT, do bị cáo H thuê của bà Nguyễn Thị B (sinh năm 1965), trú tại: 38/2 LTT, phường AT, thành phố BMT. Việc bị cáo H đánh bạc tại đây bà B không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không kê biên cũng như không đề cập xử lý đối với bà B, là phù hợp.

Đối với đối tượng D1, người có tên thường gọi là "Đít nhọn", H2, P2, K1, Â, B, L1, H3, N3, T2, C2, H4, Q và Z cùng các con bạc (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, chưa xác định được nhân thân lai lịch, chưa làm việc được với những người này. Do vậy, Cơ quan điều tra tách hành vi đánh bạc ra khỏi vụ án, để tiếp tục xác minh là rõ, xử lý sau.

Các bị cáo Trần Thị T, Hoàng Thị K khai nhận Trần Nguyễn Q là người là người nhận các phôi đề thắng thua bằng tiền mà K, T chuyển đến, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, cho bị cáo Trần Thị T, Hoàng Thị K nhận dạng người tên Trần Nguyễn Q (sinh năm: 1982, trú tại: 166/4 NTP, phường TC, thành phố BMT) thì các bị cáo K, T xác định Trần Nguyễn Q không phải là người nhận các phôi đề thắng thua bằng tiền mà K, T chuyển đến. Hiện người tên Trần Nguyễn Q không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được, nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Đối với đối tượng Lê Viết V2 (sinh năm: 1977, trú tại: 183 PBC, phường TN, thành phố BMT), Cơ quan điều tra tiến hành xác minh, làm việc với chị Nguyễn Thị L (là vợ V2) nhưng không xác định được V2 đang ở đâu, làm gì nên chưa làm việc được. Do vậy, chưa đủ căn cứ để xử lý, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2021/HS-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Thị K, Trần N, Trần Thị N1, Trương Thị Lệ T1, Trương Thị Thanh V, Trần Thị T, Trần Thị H phạm tội "Tổ chức đánh bạc"; các bị cáo Trương Thị Thanh X, Nguyễn Thị Bích P, Phạm Thị L, Vũ Khắc N2, Trần Thị Thủy A, phạm tội "Đánh bạc".

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Thị K** 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 30/8/2019.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần N** 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 15/8/2019.

3. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị N1** 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị T** 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 01/8/2019.

5. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị H** 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 01/8/2019.

6. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Thị Lệ T1** 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2019 đến ngày 15/8/2019.

7. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Thị Thanh V** 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/7/2019 đến ngày 15/8/2019.

8. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Bích P** 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 15/7/2019.

Áp dụng khoản 3 Điều 322 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Bích P số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

9. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Thị Thanh X** 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 15/7/2019.

10. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Vũ Khắc N2** 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 15/7/2019.

11. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị L** 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 15/7/2019.

12. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thủy A** 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian bắt giữ, và chuyển sang tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 15/7/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với 03 bị cáo khác, quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Hoàng Thị K, Trần Thị Thủy A, Vũ Khắc N2, Phạm Thị L, Trần Thị T, Trần Thị H, Nguyễn Thị Bích P, Trần N, Trần Thị N1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Các bị cáo Trương Thị Thanh X, Trương Thị Lệ T1 kháng cáo xin được chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm và phù hợp với lời khai của các bị cáo khác.

Qua tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Hoàng Thị K, Trần N, Trần Thị N1, Trương Thị Lệ T1, Trương Thị Thanh V, Trần Thị T, Trần Thị H về tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Trương Thị Thanh X, Nguyễn Thị Bích P, Phạm Thị L, Vũ Khắc N2, Trần Thị Thủy A, về tội “Đánh bạc” là đúng pháp luật; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm b, đ, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của 04 bị cáo: Hoàng Thị K, Trần Thị T, Trần Thị H, Phạm Thị L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

- Chấp nhận đơn kháng cáo của 08 bị cáo Trương Thị Thanh X, Trần N, Trần Thị N1, Trương Thị Lệ T1, Trương Thị Thanh V, Nguyễn Thị Bích P, Vũ Khắc N2, Trần Thị Thủy A, đề nghị:

+ Xử phạt bị cáo Trần N 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị N1 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

+ Không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thị Lệ T1 01 năm 03 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

+ Không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thị Thanh V 01 năm 03 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích P 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Trương Thị Thanh X từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm cải tạo không giam giữ;

+ Xử phạt bị cáo Vũ Khắc N2 từ 02 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ;

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị Thủy A từ 02 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ;

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Hoàng Thị K, Trần N, Trần Thị N1, Trương Thị Lệ T1, Trương Thị Thanh V, Trần Thị T, Trần Thị H về tội “Tổ chức đánh bạc” theo Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trương Thị Thanh X, Nguyễn Thị Bích P, Phạm Thị L, Vũ Khắc N2, Trần Thị Thủy A về tội “Đánh bạc” theo Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với bị cáo Hoàng Thị K là người có vai trò quan trọng, thiết yếu trong đường dây ghi số đề của các bị cáo, bị cáo là trung gian của các bị cáo khác trong việc chuyển tiền đánh đề đến đối tượng Q và Z. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo.

[2.2] Đối với bị cáo Trần Thị H, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, hành vi của bị cáo chỉ làm trung gian ghi đề nhằm hưởng hoa hồng; bị cáo có nhân thân tốt, có bố tham gia kháng chiến cứu nước; hiện tại bị

cáo phải chăm lo cho 02 con và bố bị bệnh hiểm nghèo. Xét mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo có phần nghiêm khắc, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt đối với bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[2.3] Đối với bị cáo Phạm Thị L, bị cáo thuộc trường hợp “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” nên cần áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhằm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[2.4] Đối với bị cáo Trần N và Trần Thị N1, là chồng và con gái của bị cáo Hoàng Thị K. Xét thấy hành vi của bị cáo N và bị cáo N1 có vai trò thứ yếu, không đáng kể, chủ yếu là giúp bị cáo K tổng hợp và tính toán phôi đẻ, giúp K trong hoạt động thu chi nên Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Con gái của bị cáo K và N là Trần Thị Huyền hiện đang bị ung thư; bị cáo Trần Thị N1 hiện đang phải nuôi 02 con nhỏ; gia đình bị cáo có công với cách mạng; quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết và sẽ làm ảnh hưởng lớn đến cuộc sống gia đình các bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Trần N và Trần Thị Kim N1, cho các bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương.

[2.5] Đối với bị cáo Trương Thị Lệ T1, Trương Thị Thanh V, có hành vi cùng nhau làm trung gian nhận ghi sổ đề rồi chuyển cho bị cáo Hoàng Thị K nhằm hưởng tiền hoa hồng. Quá trình điều tra xác định được các bị cáo có nhiều lần ghi sổ đề cho các con bạc, tuy nhiên chỉ có 01 lần các bị cáo nhận ghi sổ đề ở đài Nam với số tiền 23.101.000 đồng vào ngày 01/7/2019 nên đã cấu thành tội phạm “Tổ chức đánh bạc”, theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo T1 và V phạm tội “02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là không chính xác. Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; gia đình bị cáo có công với Cách mạng; sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã chấp hành nghĩa vụ án phí sơ thẩm, bị cáo Trương Thị Lệ T1 đã nộp số tiền 27.607.860 đồng truy thu và thu lợi bất chính; vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo.

[2.6] Đối với bị cáo Trần Thị T, bị cáo có hành vi tổ chức đánh bạc 01 lần vào ngày 05/7/2019 thì bị bắt, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là không chính xác. Bị cáo có nhân thân tốt; có ông nội tham gia kháng chiến được tặng kỉ niệm chương; hiện bị cáo đang phải điều trị bệnh ung thư, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo

của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm có cơ hội trở lại hòa nhập với xã hội.

[2.7] Đối với bị cáo Trương Thị Thanh X, quá trình điều tra xác định bị cáo đã thực hiện nhiều lần hành vi đánh bạc từ ngày 27/6/2019 đến ngày 05/7/2019 thì bị bắt giữ. Tuy nhiên các lần đánh bạc của bị cáo đều dưới 50.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm dùng tổng số tiền mà bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc trong các lần làm căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo X theo điểm b khoản 2 Điều 321 là không đúng pháp luật mà phải xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và bị cáo thuộc trường hợp “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; gia đình bị cáo có công với Cách mạng; bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ án phí sơ thẩm và số tiền 23.343.000 đồng tiền truy thu, thu lợi bất chính; bị cáo có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Do hoàn cảnh khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[2.8] Đối với bị cáo Vũ Khắc N2, Trần Thị Thủy A, quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều thuộc trường hợp “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, vì vậy cần áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; gia đình các bị cáo Trần Thị Thủy A có công với Cách mạng, bố bị cáo là thương binh, hiện tại con nhỏ của bị cáo đang phải điều trị bệnh vì chấn thương sọ não; bị cáo A đã thực hiện nghĩa vụ án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo N2 cung cấp tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có công với Cách mạng, bố bị cáo là liệt sĩ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly các bị cáo, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục và nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[2.9] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích P, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo thuộc trường hợp “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, vì vậy cần áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo; sau khi xét xử sơ thẩm đã nộp toàn bộ số tiền phạt 15.000.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm; gia đình bị cáo có công với Cách mạng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo để tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương.

[3] Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm:

[4.1] Bị cáo Hoàng Thị K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4.2] Các bị cáo Trần N, Trần Thị N1, Trương Thị Lệ T1, Trương Thị Thanh V, Trương Thị Thanh X, Trần Thị T, Vũ Khắc N2, Trần Thị Thủy A, Nguyễn Thị Bích P, Trần Thị H, Phạm Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm b, đ, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Thị K – Giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm số 25/2021/HS-ST, ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần N, Trần Thị N1, Trương Thị Lệ T1, Trương Thị Thanh V, Trương Thị Thanh X, Vũ Khắc N2, Trần Thị Thủy A, Nguyễn Thị Bích P; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Thị H, Phạm Thị L – Sửa phần hình phạt của bản án sơ thẩm số 25/2021/HS-ST ngày 18/01/2021, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đối với các bị cáo.

[2] Về hình phạt:

[2.1] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Thị K** 02 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 30/8/2019.

[2.2] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị T** 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 01/8/2019.

[2.3] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị L** 01 năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/7/2019 đến ngày 15/7/2019.

[2.4] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị H** 01 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2019 đến ngày 01/8/2019.

[2.5] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần N** 02 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[2.6] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị N1** 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[2.7] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Thị Lệ T1** 01 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[2.8] Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Thị Thanh V** 01 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

[2.9] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Bích P** 03 năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần N, Trần Thị N1, Trương Thị Lệ T1, Trương Thị Thanh V Ủy ban nhân dân phường TL; giao bị cáo Nguyễn Thị Bích P cho Ủy ban nhân dân phường TI, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk để giám sát và giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2.10] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Thị Thanh X** 02 năm cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/7/2019 đến ngày 15/7/2019 (là 10 ngày, quy ra thành 30 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 11 tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trương Thị Thanh X.

[2.11] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Vũ Khắc N2** 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/7/2019 đến ngày 15/7/2019 (là 10 ngày, quy ra thành 30 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 02 tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Vũ Khắc N2.

[2.12] Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thủy A** 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/7/2019 đến ngày 15/7/2019 (là 10 ngày, quy ra thành 30 ngày cải tạo không giam giữ), bị cáo còn phải chấp hành 01 năm 02 tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân xã HT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần Thị Thủy A.

Giao bị cáo Trương Thị Thanh X, Vũ Khắc N2 cho Ủy ban nhân dân phường TL; giao bị cáo Trần Thị Thủy A cho Ủy ban nhân dân xã HT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

[3.1] Bị cáo Hoàng Thị K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3.2] Các bị cáo Trần N, Trần Thị N1, Trương Thị Lệ T1, Trương Thị Thanh V, Trương Thị Thanh X, Trần Thị T, Vũ Khắc N2, Trần Thị Thủy A, Nguyễn Thị Bích P, Trần Thị H, Phạm Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VP CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Cơ quan THAHS Tp. BMT;
- CC THA DS Tp. BMT;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Thị Tuyết

- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.